

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT HÙNG INVEST HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT HÙNG INVEST HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET HUNG INVEST HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET HUNG INVEST HA NOI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107646607

3. Ngày thành lập: 25/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 8, Tòa nhà TTC, Số 19, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Kinh doanh vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
2.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại	4610
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
7.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
9.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
10.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
11.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

14.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
15.	Bán buôn gạo	4631
16.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
17.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
18.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
19.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp: các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; đập và đê; xây dựng đường hầm; công trình thể thao ngoài trời.	4290
22.	Khai thác muối	0893
23.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, Biệt thự hoặc căn hộ, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
25.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
26.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
27.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
28.	Bán mô tô, xe máy	4541
29.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
31.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
32.	Khai thác dầu thô	0610
33.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
34.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
35.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
39.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
40.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511

41.	Xây dựng nhà các loại	4100
42.	Phá dỡ	4311
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
44.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
50.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động vui chơi và giải trí, Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, Cho thuê các thiết bị thư giãn, Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
51.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
52.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
53.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
54.	Xây dựng công trình công ích	4220
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
56.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Khai thác và thu gom than non	0520
62.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
63.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
66.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
67.	Sản xuất sợi	1311
68.	Khai thác quặng sắt	0710
69.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

71.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
73.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649

6. Vốn điều lệ: 469.781.300.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 46.978.130

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI MẠNH HÙNG	P.1301- CT9, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	23.489.065	234.890.650.000	50,000	B2734523	
			Tổng số	23.489.065	234.890.650.000	50,000		
2	ĐINH XUÂN CƯỜNG	Tập thể Bệnh viện E, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.697.813	46.978.130.000	10,000	011976518	
			Tổng số	4.697.813	46.978.130.000	10,000		
3	NGUYỄN VĂN TUẤN	Số 45, đường 25, khu dân cư An Lạc, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.791.252	187.912.520.000	40,000	023081080	
			Tổng số	18.791.252	187.912.520.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN QUANG KHANG** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*
 Sinh ngày: *31/01/1977* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *025964187*
 Ngày cấp: *23/12/2014* Nơi cấp: *CATP Hồ Chí Minh*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 284/73/3 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 284/73/3 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội